

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
Số: 564/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 16 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm (giai đoạn 2021-2025)
của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019, Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 2/4/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Biên bản số 38/BB-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 21/01/2021 phiên họp thứ 4 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT NGHỊ:

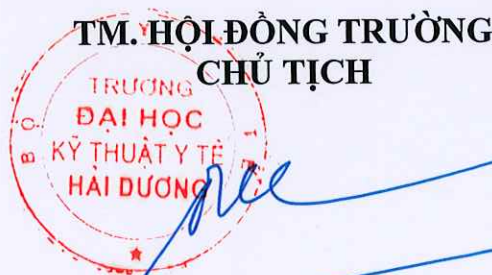
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch phát triển 05 năm (giai đoạn 2021-2025) của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, các đơn vị và cán bộ, viên chức, sinh viên toàn Trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /*ae*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để BC);
- Bộ GD & ĐT (để BC);
- Đảng ủy Trường (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, HĐT.



TS. Trần Quang Cảnh

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2021-2025
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 564/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

I. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, MỤC TIÊU VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA TRƯỜNG

1. Sứ mạng

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Tâm nhìn

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về kỹ thuật y học.

3. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục Toàn diện:** Giáo dục toàn diện nguồn nhân lực y tế phải đủ 4 tiêu chí: Đức - Trí - Thể - Mỹ, trong đó y đức là gốc.

- **Chuẩn mực:** là tập hợp những mong đợi, yêu cầu, quy tắc đối với hành vi của các thành viên trong Nhà trường, chuẩn mực quy định cho mỗi thành viên những việc nào nên làm và không nên làm, cần xử sự như thế nào cho đúng trong các tình huống một cách chuyên nghiệp. Chuẩn mực có tính cộng đồng, tính phổ biến, tính không vụ lợi, tính độc đáo. Trong đào tạo, phải đảm bảo chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo, đào tạo dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra. Trong khám chữa bệnh và phục vụ đào tạo, phải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chế, quy định...

- **Hợp tác:** là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc vì lợi ích chung, cùng nhau phát triển. Hợp tác giữa thầy với thầy, thầy với trò, nhà trường và gia đình người học, giữa thầy thuốc với người bệnh và gia đình người bệnh, đề cao vai trò làm việc nhóm. Hợp tác giữa Nhà trường với các bệnh viện, viện nghiên cứu và các cơ sở y tế, hợp tác trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ y tế.

- **Sáng tạo:** Sáng tạo là bậc cao nhất của quá trình phát triển tư duy. Sáng tạo là quá trình hoạt động của con người tạo ra cái mới có giá trị giải quyết vấn đề đặt ra một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xác định của con người. Để hình thành nền kinh tế tri thức, đặc biệt là thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì giáo dục đại học phải kết nối con người - vật thể - máy móc tạo thành một hệ sinh thái dạy và học mới, chuyển đổi thiết chế giáo dục thành một hệ thống sinh thái tạo ra sự đổi mới sáng tạo để tạo ra nguồn nhân lực có năng lực tư duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân

tích và tổng hợp thông tin, tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các bằng chứng và dữ liệu.

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung:

Phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về kỹ thuật y học; thực hiện có hiệu quả tự chủ đại học và trách nhiệm với xã hội của Nhà trường.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

1) Đào tạo nguồn nhân lực y tế theo chuẩn năng lực ở các trình độ đại học, sau đại học trong một số ngành khoa học sức khỏe, đặc biệt là kỹ thuật y học; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cho các cơ sở đào tạo Kỹ thuật y học.

2) Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ chuyên ngành có năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường và Bệnh viện.

3) Nghiên cứu, hợp tác, ứng dụng, phát triển kỹ thuật cao và chuyên sâu trong lĩnh vực Kỹ thuật y học phục vụ nhu cầu phát triển ngành và xã hội.

4) Thực hiện các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng chất lượng cao.

5) Thực hiện tự chủ đại học; Xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ y tế và phục vụ cộng đồng.

5. Giá trị cốt lõi

5.1. Đoàn kết thống nhất

Thể hiện sự hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chung một ý chí, hành động vì mục đích xây dựng, phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương trở thành trường trọng điểm quốc gia về kỹ thuật y học.

5.2. Hợp tác, phát triển

Hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ y tế với các cơ sở trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng, hiệu quả, cùng có lợi, hài hoà lợi ích, cùng phát triển theo kịp sự tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế và nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5.3. Kỷ cương, trách nhiệm

Thể hiện những quy tắc trong giao tiếp, ứng xử; có kỷ luật trong dạy - học; thầy ra thầy, trò ra trò, không tiêu cực, gian lận trong thi cử; thương yêu, giúp đỡ người bệnh, luôn có trách nhiệm với bản thân, nhà trường và cộng đồng; chịu trách nhiệm cá nhân cho mọi quyết định, mọi hành động trong dạy - học, NCKH, cung ứng dịch vụ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.

5.4. Thực hành chuyên nghiệp

Thể hiện bằng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ giao tiếp ứng xử trong khi làm việc, dạy-học và cung ứng dịch vụ y tế; đào tạo theo năng lực, chuyên môn hoá và làm việc nhóm, phát huy tư duy phản biện và sáng tạo trong môi trường

giáo dục và thực hành nghề nghiệp. Thiết lập tiêu chuẩn thực hành cao, thực hành dựa vào bằng chứng, theo Luật và đảm bảo an toàn cho người bệnh và cộng đồng.

5.5. Y đức, lễ phép

Thể hiện ở quy tắc giao tiếp, ứng xử của người thầy thuốc với người bệnh, là phẩm chất đạo đức của cán bộ y tế, với trách nhiệm cao, trung thực, phục vụ người bệnh vô điều kiện, có phẩm chất mỹ học, có trí tuệ thể hiện ở trình độ chuyên môn, làm chủ trang thiết bị để phục vụ khám chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người bệnh và cộng đồng;

Lễ phép thể hiện bằng thái độ đúng mực giữa thầy và trò, giữa thầy thuốc với người bệnh, kính trọng thầy cô giáo, tôn trọng đồng nghiệp, bạn bè và người bệnh.

5.6. Tư duy đổi mới

Luôn năng động, sáng tạo, đổi mới, lãnh đạo để thay đổi, phát triển Nhà trường nhanh, bền vững trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ y tế và phục vụ cộng đồng.

5.7. Học tập suốt đời

Người cán bộ y tế phải học tập suốt đời, thường xuyên nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiên cứu khoa học, ứng dụng KHCN trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân với tinh thần “*Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình*”. Cam kết tất cả mọi hoạt động đều thúc đẩy việc học tập suốt đời.

5.8. Dịch vụ chu đáo

Thể hiện bằng việc lấy người học, người bệnh làm trung tâm, với thái độ trung thực, tận tâm, nhiệt tình, chu đáo, tin cậy, kiên nhẫn, cảm thông và thấu hiểu; phục vụ nhanh chóng, chính xác, an toàn; hướng tới sự hài lòng của người học, người bệnh và cộng đồng./.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tình hình chung

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đảng bộ Trường trực thuộc Thành ủy Hải Dương, Công đoàn trực thuộc Công đoàn Y tế Việt Nam, Đoàn Thanh niên trực thuộc Tỉnh đoàn Hải Dương nên thường xuyên được sự quan tâm, giúp đỡ của các đơn vị, tạo động lực cho Trường thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ở tất cả các lĩnh vực công tác.

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có trụ sở chính tại Số 1, Vũ Hựu, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.891.799

Fax: 02203. 891.897;

Email: hmtu@hmtu.edu.vn

Website: <http://www.hmtu.edu.vn>

1.1. Thuận lợi:

Trải qua hơn 60 năm xây dựng, phát triển từ trường trung cấp (năm 1960), Trường cao đẳng (năm 2001) và đến năm 2007 thành Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Đây là Trường Đại học đào tạo đa ngành (Kỹ thuật y học, Điều dưỡng và Y khoa). Trường phát triển có lộ trình, dựa trên nền tảng vững chắc và bề dày kinh nghiệm, thành tích trong đào tạo Kỹ thuật y học và Điều dưỡng, nhiều năm liền đạt Trường tiên tiến xuất sắc, Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Công đoàn vững mạnh, Đoàn thanh niên vững mạnh xuất sắc.

Trường là đơn vị đầu tiên trong số các trường công lập trực thuộc Bộ Y tế được Bộ Y tế phê duyệt thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2015 - 2020 và cũng là Trường sớm thành lập Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020-2025 theo Luật 34/2018/QH14 và Nghị định 99/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm góp phần định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường, tăng tính dân chủ, giám sát, công khai minh bạch để Trường hoạt động đúng với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục đặc biệt khi thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao. Đội ngũ cán bộ, giảng viên trẻ, năng động, tâm huyết, dễ đổi mới, sáng tạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Nội bộ Trường luôn đoàn kết, tập thể lãnh đạo năng động, sáng tạo, đổi mới, phát huy dân chủ, huy động sức mạnh tập thể cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường được Bộ Y tế, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và các cơ quan ban ngành thường xuyên quan tâm giúp đỡ; vị thế, uy tín của Trường ngày càng được khẳng định.

1.2. Khó khăn:

Là một Trường Đại học Kỹ thuật Y tế được thành lập đầu tiên ở Việt Nam từ năm 2007, không được thừa hưởng, học tập về chương trình đào tạo các ngành kỹ thuật y học từ các cơ sở đào tạo khác. Đội ngũ giảng viên trẻ, thiếu giảng viên ở trình độ cao như Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo y khoa. Trong khi đó Trường lại tiên phong, đột phá đào tạo theo học chế tín chỉ cho ngành điều dưỡng - kỹ thuật y học từ những năm 2010, đầu tiên trong khối các trường đại học Y - Dược Việt Nam.

Trường vừa thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, mở rộng Trường, vừa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, năm 2014 lại triển khai hoạt động bệnh viện khám chữa bệnh, trên cơ sở phòng khám bán công (thành lập từ 2003).

Mặc dù Trường là đơn vị thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên rất sớm (từ 2003), Bệnh viện Trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên, nhưng một số cơ chế, chính sách trong đào tạo, khám chữa bệnh còn nhiều bất cập, một số quy định về chế độ đãi ngộ chưa có sức thu hút giảng viên, bác sĩ giỏi ở những ngành khó tuyển về Trường.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường:

1.2.1. Chức năng:

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có chức năng đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế trình độ đại học, sau đại học và thấp hơn; đào tạo bồi dưỡng viên chức chuyên ngành y tế theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển giao công nghệ; phát triển hợp tác trong và ngoài nước; tổ chức cung cấp dịch vụ y tế, thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Nhiệm vụ:

1) Xác định tầm nhìn, xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển Trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm.

2) Đào tạo, đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế ở trình độ đại học, sau đại học và thấp hơn trong lĩnh vực y học, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe, kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng thích ứng với việc làm trong xã hội, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3) Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Phối hợp với các ngành, các tổ chức xã hội nghiên cứu kế thừa và nghiên cứu phát triển chuyên ngành.

4) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ y tế.

5) Tổ chức cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội khi có đủ điều kiện và được cấp có thẩm quyền cho phép.

6) Xây dựng tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần, vật chất của giảng viên và cán bộ, viên chức, người lao động.

7) Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định, bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

8) Tuyển sinh và quản lý người học theo quy định hiện hành; Phối hợp với gia đình người học, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục.

9) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

10) Phát triển bệnh viện thực hành, các trung tâm, cơ sở dịch vụ khoa học kỹ thuật để phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ y tế và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

11) Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

12) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

1.2.3. Quyền hạn

Trường được quyền tự chủ trong phạm vi trách nhiệm được giao theo phân cấp của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và chịu trách nhiệm trước Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước pháp luật về quy hoạch phát triển Nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự, cụ thể:

1) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển của Trường phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành Y tế, ngành Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2) Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3) Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và cung ứng dịch vụ y tế theo quy định của pháp luật và các quy định về tự chủ tài chính đối với trường đại học.

4) Tuyển sinh và phát triển chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo; quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật.

5) Tổ chức, triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường; đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định.

1.3. Tổ chức và nhân sự

1.3.1. *Mô hình tổ chức:* Trường được tổ chức theo ba cấp:

- 1.1. Ban Giám hiệu;
- 1.2. Khoa, trung tâm, phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc;
- 1.3. Bộ môn.

1.3.2. Cơ cấu tổ chức của trường

- 2.1. Hội đồng trường;
- 2.2. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- 2.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn;
- 2.4. Các phòng chức năng (9 phòng):
 - a) Phòng Quản lý đào tạo
 - b) Phòng Khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo
 - c) Phòng Tổ chức cán bộ
 - d) Phòng Hành chính Quản trị
 - đ) Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
 - e) Phòng Tài chính Kế toán
 - g) Phòng Công tác quản lý sinh viên
 - h) Phòng Công nghệ thông tin

i) Phòng Vật tư - Trang thiết bị

2.6. Các khoa thuộc trường và bộ môn thuộc khoa (gồm 7 khoa):

a) Khoa Y gồm 09 bộ môn:

- Bộ môn Nội
- Bộ môn Ngoại
- Bộ môn Sản
- Bộ môn Nhi
- Bộ môn Y học cổ truyền
- Bộ môn Truyền nhiễm
- Bộ môn Chuyên khoa
- Bộ môn Răng Hàm Mặt
- Bộ môn Gây mê Hồi sức

b) Khoa Y học cơ sở gồm 06 bộ môn:

- Bộ môn Giải phẫu
- Bộ môn Giải phẫu bệnh
- Bộ môn Sinh lý
- Bộ môn Sinh lý bệnh
- Bộ môn Mô phôi
- Bộ môn Dược

c) Khoa Y học dự phòng - Y tế công cộng gồm 05 bộ môn:

- Bộ môn Dịch tễ học
- Bộ môn Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp
- Bộ môn Tổ chức quản lý y tế
- Bộ môn Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm
- Bộ môn Y xã hội học - Giáo dục sức khỏe

d) Khoa Điều dưỡng gồm 04 bộ môn:

- Bộ môn Điều dưỡng cơ bản
- Bộ môn Điều dưỡng người lớn
- Bộ môn Điều dưỡng trẻ em
- Bộ môn Điều dưỡng cộng đồng - Quản lý điều dưỡng

đ) Khoa Chẩn đoán hình ảnh gồm 02 bộ môn:

- Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
- Bộ môn Xạ trị

e) Khoa Phục hồi chức năng gồm 02 bộ môn:

- Bộ môn Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng
- Bộ môn Hoạt động trị liệu

g) Khoa Xét nghiệm gồm 05 bộ môn:

- Bộ môn Hóa sinh - Độc chất

- Bộ môn Huyết học truyền máu
- Bộ môn Vi sinh - Ký sinh trùng
- Bộ môn Xét nghiệm tế bào
- Bộ môn Miễn dịch - Sinh học phân tử

2.7. Các bộ môn thuộc trường gồm 05 bộ môn:

- a) Bộ môn Chính trị - Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng
- b) Bộ môn Khoa học cơ bản
- c) Bộ môn Y sinh học và Di truyền
- d) Bộ môn Ngoại ngữ

2.8. Các đơn vị trực thuộc trường gồm 05 đơn vị:

- a) Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
- b) Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- c) Trung tâm Huấn luyện kỹ năng lâm sàng
- d) Thư viện
- đ) Labo Xét nghiệm An toàn thực phẩm

Cơ cấu tổ chức của Trường được tổ chức thực hiện từng bước căn cứ vào điều kiện thực tế và năng lực của Trường tại từng giai đoạn để tiến hành thực hiện và có thể điều chỉnh cho phù hợp, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

1.3.2. Số lượng người làm việc

- Số lượng cán bộ, viên chức và người lao động: 347 người, trong đó:
 - Viên chức lãnh đạo: 03; Viên chức: 301; Hợp đồng LĐ theo ND 161: 03; Hợp đồng chuyên môn: 28 (tại Bệnh viện thuộc Trường)
 - Trình độ:
 - + Giáo sư, tiến sĩ: 01;
 - + Phó Giáo sư, tiến sĩ: 04;
 - + Tiến sĩ và NCS: 31;
 - + Thạc sĩ và Cao học: 175;
 - + Bác sĩ chuyên khoa II: 01;
 - + Bác sĩ chuyên khoa I: 04;
 - + Đại học: 120
 - + Trình độ khác: 11
 - Độ tuổi:
 - + Dưới 30 tuổi: 87;
 - + Từ 30 đến dưới 40 tuổi: 176;
 - + Từ 40 đến dưới 50 tuổi: 58;
 - + Từ 50 tuổi trở lên: 26

1.4. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích mặt bằng của Trường gần 10 ha chia làm 2 khu gồm nhà làm việc 6 tầng; khu giảng đường thư viện gồm 2 tòa nhà 7 tầng gồm 43 phòng học lý thuyết, 01 thư viện mở và thư viện điện tử, 37 phòng thực hành, 01 Bệnh viện thuộc

Trường, 01 Labo Xét nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm. Dự kiến năm 2021 đưa Trung tâm thực hành Tiền lâm sàng và khu Giáo dục thể chất vào hoạt động. Trường khang trang, hiện đại, phương tiện, trang thiết bị làm việc của cán bộ, giảng viên đã được cải thiện nhiều so với trước, có tác dụng rõ rệt trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh.

Trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu của các chuyên ngành kỹ thuật cho ngành Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, Nội soi tiêu hóa, hoàn thành dự án tăng cường năng lực phòng xét nghiệm sinh học phân tử; Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo, hoạt động bệnh viện, số hóa được gần 5.000 đầu sách cho thư viện số, phát triển thư viện truyền thống với hơn 3.300 đầu sách, liên kết thư viện điện tử với 3 trường đại học y dược, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh của Trường.

Ngoài ra Trường còn đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho 19 phòng thực hành tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương, Bệnh viện Nhi Hải Dương, Bệnh viện Phụ sản Hải Dương và các cơ sở thực tập cộng đồng góp phần nâng cao chất lượng dạy-học thực hành lâm sàng.

1.5. Tài chính:

Thực hiện nghiêm các chế độ trong công tác tài chính - kế toán, kiểm soát tốt thu-chi. 5 năm qua đã trích hơn 72 tỷ đồng để đối ứng cho xây dựng và mua sắm trang thiết bị, chi gần 102 tỷ đồng tăng thu nhập cho CBVC và người lao động. Thực hiện thu học phí của sinh viên, chi trả các khoản thanh toán cho CBVC qua thẻ ngân hàng, đảm bảo công khai, minh bạch, làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đặc biệt ở các lĩnh vực như: tài chính, xây dựng cơ bản, mua sắm, đào tạo và tổ chức cán bộ. Các đoàn Thanh tra Bộ Y tế đến thanh tra về công tác phòng chống tham nhũng, Thanh tra Kho bạc về thu - chi tài chính, đều đánh giá là đơn vị thực hiện và chấp hành nghiêm các quy định, quy trình, không có sai sót lớn.

Tình hình tài chính của Trường Đại học kỹ thuật Y tế Hải Dương giai đoạn 2016-2020 (Đơn vị tính: triệu đồng):

TT	Nội dung	Thực hiện				
		2016	2017	2018	2019	2020
I	Nguồn vốn đầu tư	445	400	10.622	28.363	55.762
1	Dự án xây dựng, cải tạo mở rộng Bệnh viện Đại học KT Y tế Hải Dương					
	Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	445	400		2.102	4.585
	Nguồn Ngân sách Nhà nước					386
2	Dự án xây dựng khu giáo dục thể chất					

	Nguồn Ngân sách Nhà nước			622	9.378	10.000
3	Dự án: Hệ thống xử lý nước thải					
	Nguồn Ngân sách Nhà nước			5.000	5.000	2.000
4	Dự án: Xây dựng khu thực hành tiền lâm sàng					
	Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				6.883	3.369
	Nguồn Ngân sách Nhà nước			5.000	5.000	40.000
II	Nguồn NSNN đảm bảo chi thường xuyên, không thường xuyên, nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị và nguồn thu khác					
1	Nguồn NSNN	33.573,9	35.320	36.990	43.828	46.568
	Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên	23.556,9	22.710	23.150	18.830	17.328
	Kinh phí không thường xuyên	10.017	12.610	13.840	24.998	29.240
2	Nguồn thu tại đơn vị	91.308	107.795	108.643	115.797	93.367
	Nguồn học phí và các nguồn hợp lệ, hợp pháp khác	50.960	57.029	62.170	55.586	51.438
	Nguồn viện phí và các nguồn hợp lệ, hợp pháp khác	40.348	50.767	46.473	60.211	41.929

1.6. Tình hình hoạt động của đơn vị:

1.6.1. Công tác đào tạo

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo đặc biệt là đào tạo Bác sĩ Y khoa, khẳng định vị thế và thương hiệu của Nhà trường. Mặc dù số lượng thí sinh dự tuyển đông, nhưng Trường vẫn giữ ổn định quy mô đào tạo, tuyển sinh được 3.663 sinh viên chính quy và 1.337 sinh viên liên thông vừa làm vừa học, chất lượng đầu vào cao; chú trọng đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra, tổ chức biên soạn giáo trình theo hướng đổi mới, tích hợp, dựa trên năng lực cho 2 ngành đào tạo, từ đó lan tỏa sang các ngành đào tạo khác. Là một trong 2 trường đại học Y Dược xây dựng và đào tạo chuyên ngành Hoạt động trị liệu đầu tiên tại Việt Nam, chuẩn bị mọi mặt để đào tạo Ngôn ngữ trị liệu. Trong 5 năm qua, Trường đã có 5.997 sinh viên tốt nghiệp, trung bình 93% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm, đặc biệt có 02 khóa Bác sĩ Y khoa tốt nghiệp và 100% có việc làm ngay, được nhiều cơ sở y tế công lập và ngoài công lập tuyển dụng và đánh giá cao về chất lượng tay nghề.

Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được đặc biệt quan tâm, đã xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng, duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất

lượng và tự đánh giá. Năm 2018, Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tạo được niềm tin cho người học, gia đình người học và xã hội. Hiện nay, Trường đã hoàn thành tự đánh giá chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học, chuẩn bị cho đánh giá ngoài.

Là trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên rất sớm (từ năm 2006) và tiếp tục được duy trì tới nay. Trong 5 năm qua, Trường đã thực hiện 17 cuộc khảo sát sinh viên, 3 cuộc khảo sát giảng viên, viên chức về các vấn đề đảm bảo chất lượng giáo dục và 3 cuộc khảo sát các cơ sở tuyển dụng về công tác đào tạo của Nhà trường để kịp thời điều chỉnh chương trình, nội dung bài giảng và phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu chính đáng của người học và nhu cầu xã hội. Đồng thời, Trường vẫn duy trì tốt mối quan hệ Trường-Viện và triển khai có hiệu quả Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ. Do vậy, chất lượng đào tạo thực hành và năng lực hành nghề cho sinh viên được nâng cao. Đến nay, Trường đã ký kết hợp tác với 35 bệnh viện, các bệnh viện tham gia tích cực vào việc giảng dạy, hướng dẫn sinh viên.

1.6.2. Tổ chức hoạt động có hiệu quả công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện thuộc Trường theo cơ chế tự chủ chi thường xuyên

Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương từ khi thành lập đến nay, về thực chất là phòng khám đa khoa hoàn chỉnh, có khoa Nội Tổng hợp và khối cận lâm sàng. Là bệnh viện tự chủ chi thường xuyên, vừa thực hiện khám, chữa bệnh vừa tiến hành đào tạo đội ngũ chuyên môn. Bệnh viện được xây dựng mở rộng, tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, đưa Trung tâm kỹ thuật, khoa Tiêu hóa Gan mật vào hoạt động, kết hợp với các bệnh viện tuyến trung ương đến khám chữa bệnh tại bệnh viện. Bệnh viện đã từng bước khẳng định được thương hiệu ở một số chuyên khoa như Nội soi Tiêu hóa, Cơ-Xương-Khớp, Tai-Mũi-Họng. Thực hiện phương châm “*Tâm đức sáng, Kỹ thuật cao*”, bệnh viện đã tích cực đổi mới thái độ giao tiếp ứng xử, phục vụ người bệnh, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, hướng tới sự hài lòng của người dân.

5 năm qua, Bệnh viện đã khám cho 434.172 lượt người bệnh, trong đó có 186.826 lượt người bệnh khám bảo hiểm y tế, khám sức khỏe cho 53.898 lượt người; Bệnh viện đã thu dung và điều trị nội trú cho 11.301 lượt người bệnh nội khoa, doanh thu hàng năm từ 50 đến 67 tỷ đồng. Hoạt động của bệnh viện đã thu hút được đội ngũ bác sĩ về công tác tại Trường, giúp Bệnh viện và Nhà trường thực hiện tự chủ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tăng nguồn thu, góp phần cải thiện đời sống cán bộ viên chức và sinh viên.

Labo Xét nghiệm An toàn thực phẩm của Trường duy trì tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017, được Bộ Y tế chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (mã số 62/2020/BYT-KNTP). Trong thời gian qua, Labo đã phát triển thêm 47 phương pháp xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và hóa độc trong thực phẩm mới, đáp ứng nhu cầu xét nghiệm an toàn thực phẩm. Từ năm 2015 đến nay, Labo đã nhận mẫu xét nghiệm từ 278 cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với trung bình 15.000 chỉ tiêu xét nghiệm mỗi năm, góp phần tăng nguồn thu cho nhà trường từ 2 đến 3,4 tỷ đồng/ năm, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu của đơn vị. Labo Sinh học phân tử có bước phát triển mới, đủ năng lực xét

nghiệm tải lượng, định typ virus viêm gan B, C, xác định và định typs virus HPV, xác định trực khuẩn lao..., đặc biệt là xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2.

1.6.3. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm qua, công tác nghiên cứu khoa học được Nhà trường quan tâm đặc biệt nên đã tạo ra những chuyên biến, tiến bộ vượt bậc. Đã thực hiện 94 đề tài, trong đó có 05 đề tài cấp Bộ, Tỉnh, 20 đề tài của sinh viên, đặc biệt lần đầu tiên Trường đang triển khai 02 đề tài cấp Nhà nước. Xuất bản 2 cuốn công trình NCKH trên tạp chí Y học Thực hành, đăng 235 bài báo trong đó có 26 bài đăng trên các tạp chí quốc tế; duy trì xuất bản Bản tin Kỹ thuật y học 3 tháng/1 số được bạn đọc đánh giá cao. Ngoài ra, Trường đã kết hợp với các viện, bệnh viện tổ chức thành công nhiều hội nghị khoa học, hội thảo nhằm cập nhật các kỹ thuật, kiến thức mới trong lĩnh vực y học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên y tế khu vực Hải Dương. Các giảng viên của Trường đạt 06 giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Hải Dương; 02 Giải thưởng Khoa học - Công nghệ Côn Sơn, tỉnh Hải Dương và 04 giải tại Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học Y Dược toàn quốc.

Trường đã duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với 34 tổ chức và trường đại học ở nước ngoài, thực hiện có hiệu quả Dự án ADB, Dự án AP giai đoạn 2 về đào tạo dựa trên năng lực, tham gia Dự án World Bank; Ký kết thêm 10 biên bản ghi nhớ hợp tác. Trong 5 năm qua, Trường đã tiếp đón 82 đoàn khách quốc tế với 208 chuyên gia, tiếp nhận 346 sinh viên Nhật Bản và Australia đến làm việc và thực tập tại trường. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, 52 cán bộ, giảng viên của trường đã được cử đi học tập ngắn hạn và dài hạn tại nước ngoài, phối hợp thực hiện 05 đề tài với các trường đại học từ Nhật Bản, Australia và Thái Lan. Từ năm 2015 đến nay, Trường đã có 3 giảng viên tốt nghiệp Tiến sĩ, 20 giảng viên tốt nghiệp thạc sĩ từ Australia, Nhật Bản, Đài Loan và Thái Lan. Hiện có 3 giảng viên đang học Tiến sĩ, 8 giảng viên đang học Thạc sĩ tại Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, lần đầu tiên có 02 sinh viên tham dự hội nghị khoa học sinh viên quốc tế tại Đài Loan và 21 sinh viên đang tham gia chương trình thực tập điều dưỡng tại Nhật Bản. Những hoạt động trên giúp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ cho giảng viên, sinh viên và tăng cường cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khám chữa bệnh của Nhà trường.

2. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến quán triệt quyết nghị của Hội đồng Trường, nội quy, quy định của Nhà trường đến cán bộ, viên chức, sinh viên còn hạn chế, chưa thể hiện sự đổi mới trong công tác quản lý theo hiệu quả công việc, còn tình trạng chưa tuân thủ quy trình, quy định làm việc ảnh hưởng đến kế hoạch hoạt động của Trường;

2.2. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, khoa, bộ môn, giữa các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường; Công tác quản lý đào tạo, thanh tra, giám sát công tác dạy - học, thi/kiểm tra đặc biệt là hệ vừa làm vừa học có lúc còn buông lỏng làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Tiến độ thực hiện tự đánh giá chương trình còn chậm, cán bộ, giảng viên một số khoa, bộ môn

chưa tâm huyết, sức ỳ còn lớn, chưa dành nhiều thời gian đổi mới chương trình đào tạo, biên soạn tài liệu, giáo trình và bộ công cụ đánh giá.

2.3. Chưa có biện pháp quyết liệt để giải quyết những điểm yếu, khâu yếu tại Bệnh viện Trường theo kết quả giám sát của Hội đồng trường, đặc biệt về sự tâm huyết, tinh thần phục vụ và thái độ giao tiếp ứng xử của nhân viên y tế, còn để bệnh nhân bức xúc.

2.4. Do chế độ đãi ngộ, chi trả tiền lương và môi trường làm việc chưa đáp ứng được theo nguyện vọng cá nhân, nên trong 5 năm qua đã có 53 viên chức thôi việc và chuyển công tác, trong đó có 2 tiến sĩ và 18 thạc sĩ được Trường cử đi đào tạo.

2.5. Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm:

- Trình độ, năng lực tổ chức thực hiện Quyết nghị của Hội đồng trường, kế hoạch công tác từng năm học của cán bộ lãnh đạo, quản lý còn hạn chế, thiếu quyết liệt, dứt điểm, chưa đáp ứng kịp với thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Nếp nghĩ, cách làm ở một số cán bộ, viên chức chậm đổi mới, còn bị ảnh hưởng bởi cơ chế cũ và những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, tính nêu gương của một số cán bộ quản lý còn hạn chế, còn tồn tại lối sống thực dụng, thiếu tâm huyết với nghề nghiệp, chưa coi trọng và hết mình phục vụ sinh viên và bệnh nhân của một số cán bộ, viên chức... do vậy, đã tạo ra những rào cản, sức ỳ trong quá trình phát triển của Nhà trường.

2.6. Một số bài học kinh nghiệm:

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị. Người đứng đầu phải có trình độ, tâm huyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm và nêu gương tốt cho quần chúng noi theo. Phát huy vai trò của Hội đồng trường trong các quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trường.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đúng quy trình, quy định, có phản biện, tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, viên chức, sinh viên, công khai, minh bạch trong các lĩnh vực công tác, đặc biệt những lĩnh vực nhạy cảm như đào tạo, xây dựng, mua sắm và tổ chức cán bộ.

- Thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi hợp pháp của cán bộ, viên chức và sinh viên; Hành động quyết liệt, tập trung vào những khâu yếu, điểm yếu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; Chú trọng công tác dân chủ hoá trường học, phát huy tối đa quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và sinh viên.

- Đoàn kết, thống nhất cao trên cơ sở vì nhiệm vụ chung của Nhà trường, quan hệ tốt với các bộ, ngành và địa phương. Có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa tổ chức đảng, Hội đồng trường, chính quyền và các đoàn thể trong hoạt động.

- Đặc biệt phải quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên và lấy sinh viên, người bệnh làm trung tâm.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Bối cảnh

1.1 Cơ hội:

a) Bối cảnh chung: Bối cảnh kinh tế - xã hội ảnh hưởng thuận lợi đến hoạt động của đơn vị giai đoạn tới.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, thực hiện các Nghị quyết 18, 19, 20, 21 của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 và lần thứ 7 khóa XII;

- Triển khai thực hiện Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội và Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học sửa đổi.

- Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục & đào tạo và y tế, đòi hỏi ngành y tế cần phải nhanh chóng ứng dụng công nghệ số và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh nhằm hỗ trợ việc đổi mới đào tạo nguồn nhân lực y tế và khám chữa bệnh theo hướng hiện đại và thông minh.

- Được Bộ Y tế, các cơ quan, ban ngành Trung ương và địa phương thường xuyên quan tâm, giúp đỡ; sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cơ sở y tế ở trung ương và địa phương với Trường ngày càng bền vững và hiệu quả.

b) Bối cảnh của đơn vị:

- Đa số đội ngũ cán bộ, giảng viên, bác sỹ trẻ (độ tuổi trung bình 34,7), có trình độ, năng động, sáng tạo, dễ đổi mới, tâm huyết; bước đầu đã có kinh nghiệm trong đào tạo y khoa và đào tạo dựa trên năng lực;

- Trường đã và đang tập trung vào công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng Trường và chương trình đào tạo. Trường có truyền thống kỷ cương, nề nếp, nghiêm túc trong mọi hoạt động, đặc biệt là thi, kiểm tra;

- Có Hội đồng Trường sẽ giúp cho việc định hướng kế hoạch phát triển, tăng cường giám sát, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, giúp Trường ổn định, đổi mới, phát triển và hội nhập.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị khang trang, hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin ngày càng hoàn chỉnh, có bệnh viện hạng 2, labo xét nghiệm an toàn thực phẩm đạt chuẩn hoạt động bước đầu có hiệu quả, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ y tế;

1.2 Thách thức:

a) Bối cảnh chung: Bối cảnh kinh tế - xã hội ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động của đơn vị giai đoạn tới.

- Hoạt động đào tạo, khám chữa bệnh theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, các đơn vị sự nghiệp công lập đều thực hiện tự chủ nên có sự cạnh tranh cao, đặc biệt xuất hiện sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở công lập và

dân lập, trong khi đó cách nghĩ, cách làm của cán bộ quản lý và viên chức còn nặng về bao cấp, thiếu tính tự chủ, thực dụng.

- Hoạt động đào tạo, khám chữa bệnh thường xuyên bị mặt trái của cơ chế thị trường tác động, môi trường xã hội, con người ngày càng phức tạp, một số giá trị cốt lõi bị lệch chuẩn, ảnh hưởng không nhỏ tới sự tâm huyết, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, viên chức và sinh viên.

- Tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp, đặc biệt dịch COVID-19 còn tiếp tục kéo dài, đòi hỏi vừa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh lại vừa phòng chống dịch bệnh.

b) Bối cảnh của đơn vị:

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao (Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư) còn thiếu, đặc biệt ở lĩnh vực đào tạo ngành y khoa và y học cơ sở, thiếu các chuyên gia đầu ngành trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh.

- Thực hiện tự chủ, nhưng cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chế độ đãi ngộ chưa có sức thu hút giảng viên, bác sĩ giỏi và giảng viên ở những ngành khó tuyển về Trường. Đời sống cán bộ, viên chức còn nhiều khó khăn, việc tăng thêm hệ số lương 1,0 chưa đủ sức để giữ các bác sĩ, đặc biệt các bác sĩ có trình độ, năng lực

- Từ năm 2020-2025, Trường phải trích từ nguồn thu khác để đối ứng vốn từ 30-50% kinh phí trong các dự án xây dựng, dự kiến khoảng 110 tỷ đồng. Trang thiết bị, mô hình dạy học còn chưa chuẩn hóa, hiện đại hóa, thiếu kinh phí trang bị cho bệnh viện mô phỏng và Trung tâm giáo dục thể chất khi đưa vào hoạt động.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Luật Giáo dục năm 2019, Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

- Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018

- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

- Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

- Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

3. Mục tiêu

Tăng cường giáo dục toàn diện, chuẩn mực, hợp tác, đổi mới, sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao phục vụ sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; thực hiện có hiệu quả tự chủ đại học trước năm 2023 và trách nhiệm với xã hội của Nhà trường.

4. Mục tiêu cụ thể

1) Đào tạo nguồn nhân lực y tế theo chuẩn năng lực ở các trình độ đại học trong một số ngành khoa học sức khỏe, đặc biệt là kỹ thuật y học; Tập trung mở mã ngành đào tạo sau đại học

2) Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ chuyên ngành có năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường và bệnh viện.

3) Nghiên cứu, hợp tác, ứng dụng, phát triển kỹ thuật cao và chuyên sâu trong lĩnh vực kỹ thuật y học phục vụ nhu cầu phát triển ngành và xã hội.

4) Ưu tiên phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin

5) Thực hiện các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Bệnh viện 150 giường; Phân đầu tăng doanh thu ít nhất 20 - 25%/năm;

- Labo Xét nghiệm An toàn thực phẩm mở rộng chỉ tiêu được công nhận, thực hiện cơ chế tự chủ chi thường xuyên; phân đầu nguồn thu trung bình tăng ít nhất 20% / năm.

6) Thực hiện tự chủ chi thường xuyên ở bệnh viện, tự chủ chi thường xuyên ở Nhà trường trước năm 2023; Quản lý tài chính, xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ.

5. Các chỉ tiêu chủ yếu

5.1. Chỉ tiêu về đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

- Qui mô đào tạo: 4.000 sinh viên; Tuyển sinh: 800 - 1.000 sinh viên/năm; Phân đầu 95% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm.

Bảng: Chỉ tiêu đào tạo đại học 2021 - 2025

Loại hình đào tạo		2021	2022	2023	2024	2025
Chính quy	Y khoa	70	80	90	100	100
	Điều dưỡng	270	270	250	250	250
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	140	130	130	130	130
	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	120	120	130	130	130
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	90	90	90	90	90
Liên thông	Y khoa			20	20	20
Liên thông Vừa làm vừa học	Điều dưỡng	55	55	55	55	55
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30	30	30	30	30
	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	25	25	25	25	25
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	20	20	20	20	20

- Thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học; Xây dựng lộ trình tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo trước 2025;

- Đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa I các ngành Xét nghiệm Y học, Điều dưỡng, Phục Hồi chức năng và Nội khoa, tiến tới mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ và Bác sĩ gia đình.

- Xây dựng chuẩn chương trình đào tạo các ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Hình ảnh y học; Xây dựng chuẩn đầu ra, CTĐT và phương pháp đánh giá các ngành đào tạo các ngành Kỹ thuật y học theo hướng dựa trên năng lực và hội nhập quốc tế.

- Hoàn thành và xuất bản giáo trình đào tạo điều dưỡng và kỹ thuật y học theo chuẩn đầu ra, dựa trên năng lực và có sự tích hợp.

- Triển khai ký kết hợp đồng với các cơ sở thực hành để đảm bảo đủ cơ sở thực hành cho người học theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 5/10/2017 của Chính phủ.

5.2. Chỉ tiêu về tổ chức bộ máy

- Kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, thực hiện Đề án Phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn 2030, kết hợp nguồn nhân lực giữa nhiệm vụ đào tạo và khám chữa bệnh.

Qui mô phát triển đội ngũ đến 2025 (Không tính nhân lực của Bệnh viện)

Trình độ Giai đoạn	Đối tượng	Tiền sĩ		Thạc sĩ		Đại học		Khác		Tổng số
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	
2021-2023	Giảng viên	80	25	174	55	64	20			318
	HC phục vụ	1	1,4	10	14,3	48	68,6	11	10,3	70
2024-2025	Giảng viên	100	30	198	60	33	10			331
	HC phục vụ	1	1,4	10	14,3	48	68,6	11	10,3	70

- Trình độ giảng viên tối thiểu phải là thạc sĩ trở lên, trong đó phần đầu 5% phó giáo sư; 15% Tiền sĩ.

- Phổ cập ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên, phần đầu đến năm 2025, 50% giảng viên có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh để trao đổi chuyên môn và dịch tài liệu.

5.3. Chỉ tiêu về khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

- Hoàn thành 02 đề tài cấp Nhà nước, 1 đề tài cấp Bộ. Phần đầu ít nhất 1-2 đề tài cấp Bộ/ Tỉnh/ năm; 50 đề tài khoa học cấp cơ sở và ít nhất 10 đề tài sinh viên/năm; Tăng số lượng bài báo quốc tế; Xuất bản ít nhất 50 bài báo trong nước/năm.

- Ứng dụng SHPT, công nghệ gen trong việc tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh ung thư ở cộng đồng; Phát triển can thiệp nội soi tiêu hóa.

- Thực hiện có hiệu quả Dự án HPET. Ký kết thêm ít nhất 10 văn bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên, giảng viên với các đối tác nước ngoài.

5.4. Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin:

- Đổi mới phần mềm quản lý, số hóa Nhà trường, bệnh viện, đào tạo trực tuyến, tiến tới đào tạo, khám chữa bệnh từ xa, phần đầu số hóa bài giảng E-learning 20%/năm, thư viện số hóa 10% tài liệu/năm;

5.5. Chỉ tiêu về dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

- Bệnh viện 150 giường; Phần đầu tăng doanh thu ít nhất 20%/năm;

- Thành lập và phát triển một số khoa, trung tâm của Bệnh viện như phòng mổ, khoa Ngoại, Khoa Tiêu hóa, Tai Mũi Họng, Răng Hàm mặt, Mắt - Da liễu, Trung tâm Giảm đau cơ xương khớp... vào hoạt động;

- Tập trung phát triển các kỹ thuật mới dựa vào thế mạnh của Trường. Phát triển các gói khám sức khỏe cho người lao động tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng; khám sàng lọc ung thư sớm tại cộng đồng;

- Labo Xét nghiệm An toàn thực phẩm mở rộng chỉ tiêu được công nhận, thực hiện cơ chế tự chủ chi thường xuyên; phần đầu nguồn thu trung bình tăng ít nhất 20% / năm.

- Bổ sung các trang thiết bị kỹ thuật ưu tiên lĩnh vực nội soi tiêu hóa, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh có can thiệp, mô hình dạy-học hiện đại cho bệnh viện mô phỏng.

**Bảng: Chỉ tiêu dịch vụ y tế của Bệnh viện Trường Đại học
Kỹ thuật Y tế Hải Dương**

Chỉ số	Chỉ tiêu					
	Hiện tại	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Số giường kế hoạch	100	110	150	150	150	150
Số giường thực kê	84	92	150	150	150	150
Số bệnh nhân đến khám	59770	65747	71724	90000	92000	100000
Số bệnh nhân nội trú	1451	1596	2200	2300	2700	3000
Tổng số phẫu thuật	764	840	1300	1400	1500	1900
Tổng số ca can thiệp tim mạch, chẩn đoán hình ảnh	0	0	0	20	30	30
Tổng số thủ thuật, dịch vụ nội soi	6633	7296	7959	8622	9286	9949
Tổng số ca chẩn đoán hình ảnh	42711	46982	52253	60524	62795	75066
Tổng số ca thăm dò chức năng	4711	5182	5653	6124	6595	7066
Tổng số xét nghiệm	152544	167798	203052	238307	253561	288816
Số bệnh nhân khám BHYT	32533	35786	40039	42292	45546	48799
Số bệnh nhân khám dịch vụ	27237	29961	31685	47708	46454	51201
Nhân sự (kiêm nhiệm)	177 (89)	200	248	248	248	248

5.6. Chỉ tiêu về tài chính, cơ sở vật chất.

- Xây dựng đề án tự chủ Nhà trường, phân đầu trước năm 2025 Trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên;
- Tăng cường đào tạo liên tục, đào tạo lại cấp chứng chỉ: Mở ít nhất 1-2 lớp/năm/ngành đào tạo.
- Hoàn thành Dự án xây dựng khu Trung tâm thực hành Tiên lâm sàng và Khu Giáo dục thể chất; Cải tạo khu giảng đường tại khu A thành khu điều trị bệnh nhân, cải tạo nhà ăn khu B; Đổi mới công tác quản lý ký túc xá, phục vụ nhà ăn theo cơ chế tự chủ;
- Đổi mới cơ chế phân phối tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm và hiệu quả công việc.

6. Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

6.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu quả và hiệu lực, nhanh chóng hoàn thành kết hợp nhân lực kiêm nhiệm giữa lãnh đạo Trường và bệnh viện, giữa các khoa/bộ môn ngành y của Trường với các khoa của Bệnh viện Trường, đảm bảo tỷ lệ giảng viên/số người làm việc, tỷ lệ giảng viên/sinh viên. Chủ động với phương án sáp nhập trong tình huống quy hoạch lại các trường đại học Y - Dược;

- Tập trung thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Trường và Bệnh viện, thực hiện quy định về chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, sau năm 2030, giảng viên giảng dạy lý thuyết phải có trình độ từ Tiến sĩ trở lên, có khả năng giao tiếp thông thường bằng 1 ngoại ngữ và dịch được sách chuyên ngành.

- Rà soát quy hoạch cán bộ quản lý các cấp gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm nền tảng cho sự phát triển của trường. Xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên đặc biệt là về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn quốc gia, tiến tới trong khu vực.

6.2. Giải pháp về đào tạo:

- Tập trung đổi mới cơ cấu, chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh, giữ ổn định quy mô đào tạo đại học. Thực hiện có hiệu quả đề án tuyển sinh hàng năm cho các loại hình đào tạo, bậc đào tạo phù hợp với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và năng lực;

- Tiếp tục tập trung mọi điều kiện để đảm bảo chất lượng đào tạo Bác sĩ Y khoa, đào tạo theo hướng dựa trên năng lực đối với ngành điều dưỡng, tiến tới áp dụng đối với các ngành khác. Hoàn thành xây dựng chuẩn năng lực, chuẩn chương trình đào tạo các ngành kỹ thuật y học, đổi mới chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu dạy-học theo hướng tích hợp, dựa trên năng lực, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới để áp dụng chương trình đào tạo tiên tiến.

- Xây dựng lộ trình mở mã ngành và đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa sau đại học như Chuyên khoa 1 Điều dưỡng, Xét nghiệm Y học, Phục hồi chức năng, Nội khoa, Thạc sĩ Điều dưỡng, Kỹ thuật y học và Bác sĩ gia đình. Xây dựng hoàn chỉnh qui chế đào tạo sau đại học, xây dựng chuẩn đầu ra đối với học viên tốt nghiệp theo từng chuyên ngành đào tạo và đề cương chi tiết môn học trên cơ sở qui định về chuẩn đầu ra do Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.

- Đưa Trung tâm Nghiên cứu, đào tạo và CSSKCD hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực chất và hiệu quả; Xây dựng các khóa đào tạo ngắn hạn trực tiếp và trực tuyến có nội dung chuyên môn sâu có thể liên thông với các chương trình đào tạo sau đại học; tăng cường đào tạo cấp chứng chỉ, đào tạo lại, đào tạo liên tục tạo khả năng, cơ hội việc làm cho người học, chú trọng đào tạo cho y tế cơ sở theo nguyên lý y học gia đình.

- Áp dụng các phương pháp dạy và học tích cực, dạy học hiện đại và E-learning, tăng cường đầu tư cho giám sát và các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Tăng cường sự gắn kết giữa Nhà trường và các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực y tế, định kỳ thăm dò ý kiến để điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo, mở các lớp tập huấn về phương pháp dạy - học lâm sàng theo năng lực cho các giảng viên thỉnh giảng và mời giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và đánh giá sinh viên.

6.3. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Thực hiện đánh giá năng lực của học viên theo chuẩn đầu ra, đảm bảo đạt các chuẩn năng lực đối với học viên tốt nghiệp theo từng chuyên ngành do Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.

- Xây dựng hoàn chỉnh ngân hàng câu hỏi, đề thi trắc nghiệm, thi trên máy tính ... để tổ chức, hướng dẫn thi đảm bảo chính xác, trung thực, khách quan.

- Hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo hệ cử nhân. rà soát và củng cố các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường phục vụ tốt cho đánh giá giữa kỳ và đánh giá lại theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, phân đấu đánh giá Trường theo chuẩn kiểm định của mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

- Tăng cường sự gắn kết giữa Nhà trường và các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực y tế, định kỳ thăm dò ý kiến để điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo, mở các lớp tập huấn về phương pháp dạy - học lâm sàng theo năng lực cho các giảng viên thỉnh giảng và mời giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và đánh giá sinh viên;

- Đẩy mạnh hoạt động của Hội Cựu sinh viên, tăng cường kết nối và theo dõi các hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp, thông tin về thị trường việc làm cho sinh viên và là cầu nối để cơ sở y tế gặp gỡ, hỗ trợ sinh viên, gắn kết hoạt động của nhà trường với các cơ sở y tế và nhu cầu xã hội.

6.4. Hoạt động của Bệnh viện:

- Tập trung phát triển Bệnh viện theo hướng đa khoa, chuyên khoa hẹp, theo thế mạnh đào tạo của Trường, tập trung phát triển các kỹ thuật mũi nhọn (tiêu hóa, tai mũi họng, cơ xương khớp, xét nghiệm gen, SHPT...), nhanh chóng thu dung điều trị bệnh nhân Ngoại khoa.

- Tăng số lượng đầu thẻ BHYT, mở rộng thị phần khám sức khỏe, chú trọng công tác giáo dục, truyền thông và marketing. Khai thác có hiệu quả các labo nghiên cứu của Trường. Triển khai hợp tác công tư, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực khám chữa bệnh theo quy định hiện hành. Mở rộng quy mô các khoa điều trị nội trú; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt việc thực hành của sinh viên tại Bệnh viện.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm, tuyển dụng viên chức theo đề án và đúng quy định chung. Phối hợp với Trường cử cán bộ làm việc tại Bệnh viện. Thông qua các dự án đào tạo để tăng số lượng bác sỹ chuyên khoa, từng bước giải quyết sự thiếu hụt nghiêm trọng về bác sỹ chuyên khoa thuộc các chuyên ngành ưu tiên: ngoại khoa, tiêu hóa, ung thư, truyền nhiễm và bác sỹ gia đình.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý bệnh viện. Tăng cường năng lực lập kế hoạch và triển khai kế hoạch phát triển nhân lực của các cán bộ quản lý về nhân lực.

- Xây dựng cơ chế tài chính, chế độ đãi ngộ đặc biệt, các chỉ tiêu biên chế cụ thể và các điều kiện liên quan bao gồm tăng trợ cấp để thu hút, tuyển dụng và tạo điều kiện để cán bộ y tế làm việc có hiệu quả. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao mới nghỉ hưu có thể tiếp tục hành nghề (tự nguyện).

- Triển khai Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ Y tế quy định về hoạt động y tế từ xa và Đề án Khám chữa bệnh từ xa đã được ban hành tại Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22/6/2020 giai đoạn 2020 - 2025. Hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn khám, chữa bệnh từ tuyến trên cho tuyến dưới hoặc cho các bệnh viện cùng tuyến được tổ chức thực hiện trên cơ sở kết nối giữa bệnh viện với bệnh viện, hoặc giữa bệnh viện - thầy thuốc kết nối tới người dân. Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử đối với khám, chữa bệnh ngoại trú theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội.

- Thực hiện có hiệu quả bệnh viện tự chủ chi thường xuyên; Xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, coi trọng giáo dục nhân cách, y đức, cải cách hành chính, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh, người học, cùng cố và phát triển phòng Công tác xã hội. Tích cực, chủ động trong phòng chống dịch bệnh, nâng cao năng lực xét nghiệm, huy động giảng viên và sinh viên tình nguyện tham gia phòng chống dịch khi địa phương và Bộ Y tế yêu cầu.

6.5. Giải pháp về khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển KHCN với các lĩnh vực mũi nhọn ưu tiên, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh theo chuyên ngành, liên ngành dựa trên thế mạnh của trường... Xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu trong nước và quốc tế, khuyến khích cán bộ khoa học làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài tham gia. Tăng cường tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp nghiên cứu khoa học cho cán bộ, sinh viên, học viên. Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

- Thực hiện cơ chế “đề xuất” nhiệm vụ NCKH cho cá nhân/đơn vị có khả năng thực hiện, gắn đề tài NCKH với việc đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên, ứng dụng kết quả NCKH vào đào tạo và phục vụ CSSK. Đẩy mạnh NCKH trong sinh viên. Xây dựng văn bản qui định về kinh phí, quyền lợi và trách nhiệm để sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng các nhóm biên tập viết bài báo quốc tế, lựa chọn tạp chí để gửi đăng đồng thời có chế độ đãi ngộ thỏa đáng và trả kinh phí đăng bài.

- Tập trung đầu tư xây dựng và đổi mới hoạt động thư viện Trường đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu dạy - học và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên. Xây dựng, tổ chức quản lý và cung cấp các nguồn thông tin khoa học kỹ thuật và công nghệ qua việc xuất bản, phát triển các tập san, tạp chí, ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ. Nâng cấp Bản tin kỹ thuật y học thành Tạp chí Kỹ thuật y học.

- Phát triển các nguồn kinh phí phục vụ cho NCKH, đảm bảo nguồn kinh phí theo qui định cho NCKH. Duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt khoa học hàng tháng.

- Mở rộng hợp tác song phương, đa phương về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực y học với các bệnh viện, viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức quốc tế về đào tạo, ứng dụng, nghiên cứu khoa học.

- Tiếp tục khai thác các nguồn học bổng tài trợ để đào tạo theo mô hình liên kết hoặc đào tạo 100% thời gian ở nước ngoài. Duy trì và phát triển công tác đào tạo quốc tế với các trường đối tác có chất lượng cao; Tăng cường sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường. Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ đi học ở nước ngoài để nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, quản lý cũng như để các giáo sư, chuyên gia nước ngoài đến làm việc, giảng dạy tại trường; đẩy mạnh hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên ngắn và dài hạn, đặc biệt thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập tại trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục quốc tế.

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học, các bệnh viện, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Triển khai có hiệu quả các dự án hỗ trợ của nước ngoài, quan tâm đặc biệt tới quan hệ quốc tế nhằm từng bước hợp tác, liên kết và áp dụng chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới và đào tạo nhân lực điều dưỡng xuất khẩu. Chủ động hội nhập và tích cực tìm kiếm các đối tác để liên kết đào tạo, NCKH, triển khai các dự án để mở rộng quan hệ quốc tế, chuyển đổi tư duy từ chờ đợi sự tài trợ sang hợp tác đôi bên cùng có lợi. Chủ động khai thác các mối quan hệ với các tổ chức quốc tế để khai thác các chương trình dự án quốc tế dưới dạng tài trợ toàn phần, một phần hoặc nghị định thư.

- Tích cực đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, tổ chức cho cán bộ, giảng viên tham gia hội nghị, hội thảo, học tập tại các nước để tăng cường kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, quản lý giáo dục.

- Quan tâm đến công tác quảng bá và giới thiệu về trường để các đối tác nước ngoài hiểu thêm về tiềm năng của trường, nhằm mở rộng hợp tác với các đối tác mạnh trên thế giới từng bước nâng cao vị thế của trường; thống nhất hệ thống website tiếng Anh trong toàn trường.

6.6. Giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Đưa các dự án Trung tâm thực hành tiên lâm sàng, Khu Giáo dục thể chất; vào sử dụng đảm bảo hoạt động đào tạo của trường như: xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Trường.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện điện tử, mua sắm và bổ sung trang thiết bị giảng dạy, NCKH, xây dựng Khu điều trị nội trú chất lượng cao tại bệnh viện thực hành.

- Hàng năm, tăng cường trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa cơ sở giảng dạy, bảo đảm mục tiêu làm việc, giảng dạy và thực hành từng bước hoàn thiện trang thiết bị giảng dạy theo chương trình đổi mới, tiên tiến.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nghệ thông tin, đặc biệt là các kiến thức về an toàn dữ liệu, quản trị hệ thống và đào tạo trực tuyến. Xây dựng hệ

thống các quy trình ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động quản lý và đào tạo.

- Chủ động hội nhập và tích cực tìm kiếm các đối tác để khai thác các chương trình dự án trong nước và quốc tế dưới dạng tài trợ toàn phần, một phần cho các giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, đào tạo. Triển khai đồng bộ các phần mềm quản trị đại học, phối hợp cùng các đơn vị xây dựng ban truyền thông, quảng bá thương hiệu nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ; Thực hiện đúng Luật, chấp hành nghiêm các quy trình, quy chế và các quy định hiện hành trong đào tạo, tuyển dụng, thủ tục mua sắm, xây dựng cơ bản và chi tiêu tài chính; Định mức vật tư tiêu hao, quản lý, tiết kiệm triệt để việc sử dụng điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, tiếp khách, hội nghị...

6.7. Giải pháp huy động, phân bổ và sử dụng nguồn tài chính:

- Đổi mới cơ chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng trả lương theo vị trí việc làm, năng lực, hiệu quả công việc, đảm bảo công bằng, hiệu quả, nâng cao đời sống cho CBVC, NLĐ, xóa bỏ bình quân chủ nghĩa tạo động lực cho cán bộ, viên chức hăng say làm việc.

- Xây dựng, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ theo đề án tự chủ chi thường xuyên (khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Mở rộng các nguồn thu từ đào tạo cập nhật, đào tạo liên tục, nghiên cứu khoa học, phát triển các gói dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu, sử dụng hợp lý các nguồn lực, thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí.

- Hoàn thiện quy định quản lý nguồn thu theo nguyên tắc minh bạch, trên cơ sở khai thác tối đa các nguồn lực, điều kiện hiện có của nhà trường, có cơ chế khuyến khích trong việc đa dạng hóa các nguồn thu.

- Hạch toán chi phí đào tạo và khám chữa bệnh theo hướng tính đúng, tính đủ. Xây dựng định mức chi trong khám chữa bệnh; Mở rộng cơ chế khoán chi thường xuyên, nhất là đối với chi cho hoạt động chuyên môn, để các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao và nâng cao ý thức tiết kiệm, quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị có hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thu - chi tài chính. Củng cố và hoàn thiện các quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp trong trường, tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, sử dụng tài chính cho các đơn vị trong trường.

6.8. Giải pháp về cơ chế chính sách quản lý, điều hành hoạt động

- Thực hiện tốt kế hoạch hành động Nghị quyết số 18, 19, 20, 21-NQ/TW của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TU của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Nghị quyết số 44/NQ-CP của Chính phủ, của Bộ Y tế, của Ban chấp hành Đảng bộ Trường về đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục & đào tạo, trong đó nhiệm vụ đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học là trọng tâm, phát triển bệnh viện được ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện cải cách hành chính, phát triển công nghệ thông tin trong quản lý, đổi mới tư duy, lề lối, tác phong làm việc và tổ chức thực hiện của cán bộ, đảng viên, nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả, lấy sinh viên và bệnh nhân làm trung tâm; Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh và xây dựng các quy trình, quy định, quy chế, thủ tục... trong các lĩnh vực hoạt động của Trường, Bệnh viện đảm bảo ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ đánh giá.

- Tạo môi trường làm việc thuận lợi cho CBVC, đổi mới cơ chế thu hút người có trình độ, năng lực và tâm huyết làm việc tại Trường và chấm dứt hợp đồng với những CBVC không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp và làm việc theo nhóm để phát huy khả năng phối hợp tập thể, phát huy tối đa năng lực làm việc của mỗi CBVC.

- Phân công cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Ban lãnh đạo Trường; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ của cán bộ quản lý khoa/phòng/bộ môn; tăng cường công tác quản lý đối với CBVC thông qua việc kiểm tra, chất lượng thực hiện kế hoạch của từng CBVC.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu.

- Phát huy vai trò của Hội đồng trường trong công tác định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường, tăng tính dân chủ, giám sát, công khai minh bạch để Trường hoạt động đúng với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi, thực hiện tự chủ từng phần, tiến tới tự chủ chi thường xuyên với tinh thần “*Đổi mới để tự chủ, tự chủ để đổi mới*”, đặc biệt khi thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao

7. Dự toán ngân sách 5 năm từ 2021-2025

Tập trung mọi nguồn lực cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển các kĩ thuật y học dựa trên thế mạnh của Trường, đảm bảo đời sống công chức, viên chức được ổn định và nâng cao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư tiêu hao phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh.

Dự toán thu chi tài chính 5 năm (2021-2025) (ĐVT: triệu đồng)

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Phần thu	196.119	215.728	241.440	270.455	303.509
1	Ngân sách nhà nước	46.190	48.499	50.924	53.469	56.143
	Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên	16.695	17.530	18.406	19.326	20.292

	Nguồn kinh phí không thường xuyên	29.495	30.969	32.518	34.143	35.851
2	Nguồn thu cung cấp dịch vụ công theo khung giá nhà nước	149.929	167.229	190.516	216.986	247.366
	Thu học phí	38.280	38.280	42.108	46.318	50.950
	Thu viện phí	76.700	90.506	106.000	124.020	145.103
3	Thu sự nghiệp khác, thu hoạt động dịch vụ	34.949	38.443	42.408	46.648	51.313
II	Phân chi	196.119	215.728	241.440	270.455	303.509
1	Nguồn ngân sách nhà nước	46.190	48.499	50.924	53.469	56.143
	Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên	16.695	17.530	18.406	19.326	20.292
	Nguồn kinh phí không thường xuyên	29.495	30.969	32.518	34.143	35.851
2	Nguồn tài chính của đơn vị chi hoạt động thường xuyên	149.929	167.229	190.516	216.986	247.366

8. Theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo

- Việc tổ chức giám sát, đánh giá quá trình thực hiện và kết quả được thực hiện thông qua đánh giá các chỉ số, đánh giá theo từng mục tiêu, đánh giá toàn bộ và đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định hiện hành.

- Thực hiện kế hoạch giám sát của ban Giám sát Hội đồng Trường.

- Các Khoa, phòng chức năng, trung tâm, bộ môn và các đơn vị trong toàn trường tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được xác định trong kế hoạch phát triển này theo chức năng, nhiệm vụ của mình và có báo cáo ước tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm gửi Trường.

- Việc báo cáo cho Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện theo Thông tư số 38/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế và Quyết định số 1660/QĐ-BGDĐT ngày 14/6/2019 Quy định danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục, cùng với các quy định báo cáo đột xuất khác theo quy định hiện hành.

9. Tổ chức thực hiện:

9.1. Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương:

- Báo cáo và đề nghị Bộ Y tế, Hội đồng Trường thẩm định đề Nhà trường phê duyệt Kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2022.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết cho từng năm phù hợp với các chỉ tiêu, nhiệm vụ và

giải pháp của Kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch. Trong trường hợp cần thiết, có thể đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển của Trường.

- Công khai kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025 của Trường để các cơ quan, tổ chức, đối tác trong nước và quốc tế biết, chủ động hợp tác.

- Hội đồng Trường giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025.

9.2. Các đơn vị trực thuộc Trường

- Trường các đơn vị có trách nhiệm phổ biến kế hoạch phát triển 5 năm của Trường đến các cán bộ viên chức, người lao động và các đối tượng liên quan, xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm và kế hoạch chi tiết từng năm của đơn vị phù hợp với Kế hoạch phát triển của Trường.

- Trường các đơn vị tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hằng năm của đơn vị mình, đề xuất các giải pháp, kịp thời phản ánh những vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, các tổ chức đoàn thể kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt nhiệm vụ; báo cáo lãnh đạo trường kết quả sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch hằng năm và kế hoạch tổng thể 5 năm. Đến năm 2025 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025 làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn tiếp theo.

- Cán bộ, giảng viên và người lao động thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025 của Trường. /*Sp*+



TS. Trần Quang Cảnh